

Bản án số: 479/2026/DS-PT

Ngày: 28-5-2026

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt;

Ông Sỹ Danh Đạt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2026/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2026/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1046/2026/QĐ-PT, ngày 13 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 784/2026/QĐ-PT, ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng N1, sinh năm 1972.

2. Ông Võ Anh T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: bà Huỳnh Thị Hồng N1 là bị đơn.

(Chị N, bà N1 có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà P trình bày; trong biên bản hòa giải, bản trình bày ý kiến ngày 05/02/2026; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc N trình bày, cùng nội dung:***

Bà P với vợ chồng bà N1 và ông T là hàng xóm. Ngày 09/4/2020, bà P có cho bà N1 vay 120.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà N1 là người viết toàn bộ nội dung và ký tên trong “Biên nhận” ngày 09/4/2020. Khi vay tiền, bà N1 nói vay để sử dụng cho gia đình và trị bệnh cho ông T. Hai bên không thỏa thuận cụ thể thời gian trả tiền vay nhưng có nói là khi nào bà P cần lấy lại tiền thì thông báo cho bà P và ông T trước 01 tháng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng nhưng không ghi mức lãi suất vào biên nhận. Sau khi vay, bà N1 có trả tiền lãi đến tháng 09/4/2023 thì ngưng trả tiền lãi. Khi bà N1 ngưng trả tiền lãi, bà P có thông báo với bà N1, ông T chuẩn bị tiền trả lại cho bà P. Đến thời hạn đã thông báo trả tiền, nhưng bà N1 và ông T không trả tiền vay, cũng không trả tiếp tiền lãi cho bà P. Bà P đã nhiều lần yêu cầu bà N1 và ông T trả tiền vay nhưng ông bà cứ hẹn dần, đến nay chưa trả.

Ngoài ra, bà N1 và ông T có tham gia góp hụi do bà P làm đầu thảo. Bà N1 và ông T góp dây hụi mở ngày 15/8/2023 (âm lịch), dây hụi có 34 phần, hụi mãng vào ngày 15/5/2026 âm lịch (năm 2025 có 02 tháng 6 âm lịch), loại hụi tháng, mỗi phần hụi là 2.000.000 đồng. Bà N1 và ông T tham gia góp 03 phần và đã hốt hốt hết 03 phần hụi, cụ thể như sau: Phần hụi thứ nhất, hốt ngày 20/9/2023 âm lịch (kỳ thứ 02) với số tiền là 38.760.000 đồng. Phần hụi thứ hai, hốt ngày 15/3/2024 âm lịch (kỳ thứ 08) với số tiền là 41.080.000 đồng. Phần hụi thứ ba, hốt ngày 25/4/2024 âm lịch (kỳ hụi thứ 09) với số tiền là 40.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà N1 và ông T đã đóng hụi chết của 03 phần hụi nói trên đến tháng 02/2025 (âm lịch) thì ngưng. Từ tháng 03/2025 (âm lịch) đến ngày mãng hụi vào tháng 5/2026 là 16 kỳ, mỗi phần đóng 2.000.000 đồng và đóng mỗi kỳ 03 phần với số tiền là 96.000.000 đồng (16 kỳ × 03 phần × 2.000.000 đồng/phần). Bà N1 và ông T ngưng đóng tiền hụi từ tháng 3/2025 nên còn nợ bà P 96.000.000 đồng.

Ông T không trực tiếp vay tiền và góp hụi cùng bà N1 nhưng ông T cùng sử dụng tiền vay, tiền hốt hụi với bà N1 nên bà P yêu cầu bà N1 và ông T cùng có nghĩa vụ trả cho bà P các khoản tiền như sau:

- Tiền vay là 120.000.000 đồng, tiền lãi của tiền vay đến ngày xét xử 06/02/2026 là 33 tháng 29 ngày, với mức lãi suất 1,16%/tháng, thành tiền lãi là 67.642.837 đồng. Tổng cộng tiền vay và tiền lãi là 187.642.837.000 đồng. Yêu cầu bà N1 và ông T trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tiền hụi là 96.000.000 đồng. Yêu cầu bà N1 và ông T trả mỗi tháng 6.000.000 đồng, trả lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N1 trình bày:***

Tôi có vay tiền của bà P nhiều lần. Đến ngày 09/4/2020, bà P cộng lại tiền tôi vay, tôi còn nợ bà P là 120.000.000 đồng. Tôi có viết “Biên nhận” ngày 09/4/2020 là có vay tiền của bà P. Tôi vay tiền bà P là để sử dụng chung trong gia đình. Ông T không trực tiếp cùng tôi vay tiền và góp hụi. Khi vay, bà P yêu cầu tôi trả tiền lãi 10%/tháng (mỗi tháng đóng 12.000.000 đồng). Tôi đóng tiền lãi đến đợt dịch Covid-19 thì ngưng đóng lãi khoảng 06 tháng. Qua đợt dịch Covid-19, tôi đóng lãi tiếp cho bà P đến thời điểm tôi hốt hết 03 phần hụi là vào tháng 4/2024 âm lịch, thì trả qua tiền vay xong nên không đóng còn đóng lãi. Do đã trả xong 120.000.000 đồng tiền vay nên không đồng ý và tiền vay, tiền lãi theo yêu cầu của bà P.

Tôi có tham gia góp 03 phần hụi tháng do bà P làm đầu thảo. Tôi đã hốt hết 03 phần hụi để trả qua 120.000.000 đồng tiền vay, cụ thể như sau: Ngày 20/9/2023 âm lịch, tôi hốt hụi được 38.760.000 đồng, trả qua tiền vay. Ngày 15/3/2024 âm lịch, tôi hốt hụi được 41.080.000 đồng, trả qua tiền vay. Ngày 25/4/2024 âm lịch, tôi hốt hụi được 40.000.000 đồng, trả qua tiền vay. Sau khi hốt hụi, tôi có đóng tiền hụi chết đến tháng 02/2025 âm lịch thì ngưng đóng hụi từ tháng 3/2025 âm lịch đến nay. Tính từ ngày ngưng đóng hụi là tháng 3/2025 âm lịch, đến ngày mãng hụi là ngày 15/5/2026 âm lịch là 16 tháng. Tôi đồng ý còn nợ bà P 3 phần hụi đóng đến mãng hụi là 16 kỳ, mỗi kỳ mỗi kỳ đóng 6.000.000 đồng, thành tiền là 96.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả cho bà P tiền hụi chết là 96.000.000 đồng nhưng do kinh tế đang khó khăn nên xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

**** Bị đơn ông Võ Anh T đã được Tòa án tổng đạt tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ như:***

Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa

giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa,... Nhưng ông T vắng mặt không lý do.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P.

- Buộc bà Huỳnh Thị Hồng N1 và ông Võ Anh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 33.764.400 đồng, tổng cộng là 153.764.400 (*một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị Hồng N1 và ông Võ Anh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền góp hụi còn nợ là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng, trả mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện việc trả tiền như trên, thì phải trả tiền lãi theo suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm: bà N1 có yêu cầu kháng cáo đối với 1 phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tổng cộng tiền vay và tiền lãi là 187.642.837.000 đồng và 96.000.000 đồng tiền hụi.

- Bị đơn là bà N1 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1; giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Kim P đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Hồng N1, ông Võ Anh T về việc nợ vay và nợ hụi nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn là bà N1 không đồng ý với một phần quyết định bản án sơ thẩm nên có kháng cáo, Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng N1 về việc không đồng ý trả cho bà P số tiền vay là 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bà N1 thừa nhận có viết “Biên nhận” ngày 09/4/2020. Điều này cũng đồng nghĩa với việc bà N1 thừa nhận có vay của bà P số tiền 120.000.000 đồng.

Bà N1 không đồng ý trả tiền vay 120.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh vì bà N1 cho rằng đã hót 03 phần hụi của bà P để trả cản trừ qua phần nợ vay của bà P. Việc này, phía nguyên đơn là bà P không thừa nhận, bà N1 không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là đã trả xong số tiền vốn vay 120.000.000đ và tiền lãi nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với khoản nợ vay là phù hợp.

- Còn đối với yêu cầu kháng cáo của bà N1 về việc xin trả dần tiền hụi mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà N1 thừa nhận đã hót tổng cộng 03 phần hụi của bà P và còn nợ lại 96.000.000 đồng tiền hụi chết. Giữa bà N1 và bà P không có thỏa thuận về việc trả dần 1.000.000 đồng. Phía nguyên đơn là bà P không đồng ý. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, về bản chất của việc chơi hụi, bà N1 đã hót 03 dây hụi và hụi đã mặng thì đúng ra bà N1 phải có nghĩa vụ đóng hết phần hụi chết của 16 kỳ còn lại tương đương số tiền 96.000.000 đồng. Nhưng nay phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N1 trả mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ hụi là có lợi cho phía bị đơn là bà N1. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo đối với nội dung này của bà N1.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện V trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1. Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 124, 131, 408 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng N1;
2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 78/2026/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P.
- Buộc bà Huỳnh Thị Hồng N1 và ông Võ Anh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 33.764.400 đồng, tổng cộng là 153.764.400đ (một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm đồng), khi án có hiệu lực pháp luật.
- Buộc bà Huỳnh Thị Hồng N1 và ông Võ Anh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền góp hụi còn nợ là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng), trả mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện việc trả tiền như trên, thì phải trả tiền lãi theo suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị Hồng N1 và ông Võ Anh T cùng có nghĩa vụ nộp 12.488.220đ (mười hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.840.200đ (bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng), theo biên lai số 0005733, ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Hồng N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002772, ngày 25/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD,KT,TT và THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 2– Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 2– Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh

